

Số: *HHH* /GD&ĐT

Krông Pa, ngày *07* tháng 9 năm 2021

V/v: báo cáo số lượng học sinh được
hỗ trợ gạo theo Nghị định số 116/2016/
NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ
học kỳ I, năm học 2021-2022.

- Kính gửi: - Hiệu trưởng trường THCS Lê Quý Đôn.
- Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Huệ.
- Hiệu trưởng trường THCS Đất Bằng.
- Hiệu trưởng trường PTDT BT THCS Ia Rsai.
- Hiệu trưởng trường Tiểu học & THCS Trần Hưng Đạo.

*Thực hiện văn bản số 1990/SGDDĐT-KHTC ngày 06/9/2021 của Sở Giáo dục –
Đào tạo Gia Lai về việc báo cáo số lượng học sinh được hỗ trợ gạo theo Nghị định số
116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ học kỳ I, năm học 2021-2022;*

*Để có số liệu chính xác, kịp thời báo cáo về Sở Giáo dục – Đào tạo Gia Lai,
Phòng Giáo dục – Đào tạo yêu cầu đơn vị trường thực hiện một số nội dung cụ thể
như sau:*

1. Báo cáo số lượng học sinh được hỗ trợ gạo theo Quyết định số 861/QĐ-
TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Báo cáo số lượng học sinh được hỗ trợ gạo học kỳ I, năm học 2021-2022
(theo biểu số 1 gửi kèm).

2. Báo cáo số lượng học sinh được hỗ trợ gạo theo Quyết định số 582/QĐ-
TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Báo cáo số lượng học sinh được hỗ trợ gạo học kỳ I, năm học 2021-2022
(theo biểu số 2 gửi kèm).

3. Gửi bản có dấu đỏ về phòng Giáo dục – Đào tạo (đ/c Diệu) chậm nhất là
ngày **10/9/2021** và gửi qua mail dieupgdkrongpa@gmail.com. Để tổng hợp báo
cáo theo yêu cầu.

Nhận được công văn này, phòng Giáo dục – Đào tạo huyện yêu cầu lãnh đạo
các đơn vị trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (t/hiện);
- Lãnh đạo phòng GD-ĐT;
- Lưu VT, đ/c Diệu.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Vĩnh

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG VÀ SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ GẠO
THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022**

(Báo cáo số học sinh được hỗ trợ theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên trường	Tổng số học sinh	Chia ra các đối tượng được hỗ trợ gạo				Định mức hỗ trợ/HS (15 kg/tháng)	Số tháng đề nghị hỗ trợ (5 tháng)	Tổng số gạo được hỗ trợ HKI năm học 2021-2022 (kg)	Số kg gạo thừa HKII năm học 2020-2021 (nếu có)	Số kg gạo thiếu HKII năm học 2020-2021 (nếu có)	Số kg gạo cần hỗ trợ HK I năm học 2021-2022 (sau khi đã trừ hoặc cộng số gạo thừa, thiếu HK II năm học 2020-2021)
			Học sinh Tiểu học bán trú đang học tại các trường PTDTBT	Học sinh THCS bán trú đang học tại các trường PTDTBT	HS Tiểu học bán thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HK thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn học tại các trường thuộc xã KV III, KV II	HS THCS bán thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HK thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn học tại các trường thuộc xã KV III, KV II						

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG VÀ SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ GẠO
THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022**

(Báo cáo số học sinh được hỗ trợ theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên trường	Tổng số học sinh	Chia ra các đối tượng được hỗ trợ gạo		Định mức hỗ trợ/HS (15 kg/tháng)	Số tháng đề nghị hỗ trợ (5 tháng)	Tổng số gạo được hỗ trợ HKI năm học 2021-2022 (kg)	Số kg gạo thừa HKII năm học 2020-2021 (nếu có)	Số kg gạo thiếu HKII năm học 2020-2021 (nếu có)	Số kg gạo cần hỗ trợ HK I năm học 2021-2022 (sau khi đã trừ hoặc cộng số gạo thừa, thiếu HK II năm học 2020-2021)
			Học sinh Tiểu học bán trú đang học tại các trường PTDTBT	Học sinh THCS bán trú đang học tại các trường PTDTBT						

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)